

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

25
CÔ
T
IÊN
V.
/H

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần ACC-244 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Sinh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/04/2018)
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/04/2018)
Ông Phan Duy Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/04/2018)
Ông Nguyễn Công Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2018)

Ban điều hành

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/05/2018)
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/02/2018)
Ông Phạm Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/05/2018)
Bà Nguyễn Thị Vinh	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/01/2019)
Bà Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/01/2019)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 là Ông Nguyễn Anh Tuấn - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban điều hành, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Công ty Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,



Nguyễn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số: 131 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần ACC-244**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ACC-244 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019 từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu khách hàng số tiền 57,8 tỷ VND; số dư người mua trả tiền trước số tiền 24,9 tỷ VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến các số dư trên và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Một số hạng mục công trình mặc dù đã được nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện trong năm 2017 nhưng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn trong năm 2018 do việc chậm trễ trong tập hợp chứng từ.

Công ty không tiến hành kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2018. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi không đem lại các bằng chứng đầy đủ và thích hợp, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu cũng như giá trị của khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 138-18/BC-TC/III-VAE ngày 20/03/2018 đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ số dư công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.511.961.583	338.534.711.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	38.399.617.355	63.870.786.619
1. Tiền	111		38.399.617.355	63.870.786.619
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.162.600.559	156.962.583.581
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	160.968.987.995	142.495.753.181
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	6.193.612.564	14.466.830.400
III. Hàng tồn kho	140	7	55.907.548.615	116.714.185.098
1. Hàng tồn kho	141		55.907.548.615	116.714.185.098
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.042.195.054	987.156.178
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.034.249.154	987.156.178
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	7.945.900	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.617.270.516	1.518.842.720
I. Tài sản cố định	220		1.585.312.430	1.484.181.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.585.312.430	1.484.181.673
- Nguyên giá	222		13.979.176.301	13.079.176.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.393.863.871)	(11.594.994.628)
II. Tài sản dài hạn khác	260		31.958.086	34.661.047
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		31.958.086	34.661.047
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		265.129.232.099	340.053.554.196
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		220.081.169.158	297.262.331.121
I. Nợ ngắn hạn	310		220.081.169.158	297.262.331.121
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9	87.916.949.778	209.344.272.400
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	413.991.352	372.633.605
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	115.086.103.517	85.199.349.382
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	14.605.313.425	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.058.811.086	2.346.075.734
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.048.062.941	42.791.223.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	45.048.062.941	42.791.223.075
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.408.620.000	29.408.620.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.563.435.600	8.237.739.589
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.076.007.341	5.144.863.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.144.863.486	4.456.184.654
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		931.143.855	688.678.832
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		265.129.232.099	340.053.554.196



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Phạm Thu Hương
Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		455.210.468.638	503.821.096.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.179.143.457	1.212.711.499
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	14	454.031.325.181	502.608.385.026
4. Giá vốn hàng bán	11	15	431.323.531.920	479.926.873.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.707.793.261	22.681.511.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.198.219	180.411.405
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	11.779.718.509	10.378.500.316
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		11.074.272.971	12.483.422.779
9. Thu nhập khác	31		71.236.364	31.509.091
10. Chi phí khác	32		3.163.820	5.561.442
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		68.072.544	25.947.649
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.142.345.515	12.509.370.428
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	2.264.719.297	2.538.986.374
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.877.626.218	9.970.384.054
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.267	2.543



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Phạm Thu Hương
Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	363.342.676.063	460.173.664.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(373.174.608.929)	(408.141.779.407)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.910.794.188)	(3.511.672.205)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(102.560.845)	(195.680.555)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.208.641.417)	(2.619.677.581)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.079.445.682	5.947.509.434
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28.796.849.894)	(66.365.381.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.771.333.528)	(14.713.017.896)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.157.795.780)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	146.198.219	180.411.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.011.597.561)	180.411.405
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.605.313.425	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.293.551.600)	(5.293.551.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.311.761.825	(5.293.551.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(25.471.169.264)	(19.826.158.091)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	63.870.786.619	83.696.944.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	38.399.617.355	63.870.786.619



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Phạm Thu Hương
Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ACC - 244 (Sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ACC - 244 trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 4/11/2018 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1014598666 ngày 16/4/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần thứ nhất ngày 04 tháng 03 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2018 là 141 người (tại ngày 31/12/2017 là 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước, xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Khung khấu hao</u>	
	Số năm	
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50	
Máy móc, thiết bị	05 - 10	
Phương tiện vận tải	06 - 10	
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06	

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	129.923.978	326.191.645
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.269.693.377	63.544.594.974
Cộng	<u>38.399.617.355</u>	<u>63.870.786.619</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>160.968.987.995</u>	<u>142.495.753.181</u>
Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không	3.422.279.208	12.879.877.177
Trại Giám số 5 - Tổng cục VII - Bộ Công An	15.775.814.000	15.775.814.000
Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20	7.945.386.981	7.945.386.981
Học viện Tư pháp	12.922.772.982	14.845.418.398
Bộ tư lệnh Quân chủng phòng không không quân	41.093.989.950	33.710.732.575
BQLDA các khu gia đình Quân chủng PKKQ	12.872.865.148	12.872.865.148
BQLDA 45 - TCKT - Bộ Quốc phòng	7.164.285.886	-
Công ty CP XDĐT và PT Linh Phong	17.655.486.321	-
Phải thu các đối tượng khác	42.116.107.519	44.465.658.902
Cộng	<u>160.968.987.995</u>	<u>142.495.753.181</u>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>3.422.279.208</u>	<u>12.879.877.177</u>
Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không	3.422.279.208	12.879.877.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	6.193.612.564	14.466.830.400
Tạm ứng	5.689.581.956	14.371.010.267
Ký cược, ký quỹ	450.000.000	-
Phải thu khác	54.030.608	95.820.133
Cộng	6.193.612.564	14.466.830.400

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	9.500.000	-	9.500.000	-
Chi phí SXKD dở dang	55.898.048.615	-	116.704.685.098	-
- Trường trung cấp luật Tây Bắc	12.548.220.291	-	40.912.275.298	-
- Đại học Kinh tế TP.HCM	32.491.080.263	-	1.124.940.537	-
- Khu nhà ở tiểu đoàn hậu cần sân bay Yên Bái	396.648.690	-	13.587.314.531	-
- Học viên tư pháp TP.HCM	-	-	10.378.999.119	-
- Khu điều hành khám Bệnh viện YHHK	-	-	25.761.406.818	-
- Chung cư Conic Riverside	2.527.549.203	-	-	-
- Các công trình khác	7.934.550.168	-	24.939.748.795	-
Cộng	55.907.548.615	-	116.714.185.098	-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.079.176.301
- Mua trong năm	-	900.000.000	-	-	-	900.000.000
Số cuối năm	3.598.932.512	7.790.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.979.176.301
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	3.062.318.210	6.297.967.163	1.459.378.342	77.149.091	698.181.822	11.594.994.628
- Khấu hao trong năm	215.736.489	228.183.256	122.222.229	-	232.727.269	798.869.243
Số cuối năm	3.278.054.699	6.526.150.419	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	12.393.863.871
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	536.614.302	592.617.873	122.222.229	-	232.727.269	1.484.181.673
Số cuối năm	320.877.813	1.264.434.617	-	-	-	1.585.312.430

Nguyên giá tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 8.445.838.418 VND (tại ngày 31/12/2017 là 6.714.929.327 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	87.916.949.778	209.344.272.400
Bộ tư lệnh Quân chủng phòng không không quân	28.615.631.594	45.970.410.988
Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	43.601.504.000	57.251.880.000
Trường Đại học Luật Hà Nội	4.118.073.066	-
Công ty TNHH MTV SXTM XNK Tây Nam	6.804.367.978	-
BQLDA 45 - TCKT - Bộ Quốc phòng	-	6.039.368.000
Sư đoàn 365	-	6.857.235.817
Học viện Tư pháp	-	10.755.720.000
Trường trung cấp Luật Tây Bắc	-	40.824.956.437
Các đối tượng khác	4.777.373.140	41.644.701.158
Cộng	87.916.949.778	209.344.272.400

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	trong năm	trong năm	VND
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.785.052.686	7.785.052.686	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	357.913.472	2.264.719.297	2.208.641.417	413.991.352
Thuế thu nhập cá nhân	14.720.133	177.402.025	192.122.158	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	633.820	633.820	-
Cộng	372.633.605	10.230.807.828	10.189.450.081	413.991.352
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	7.945.900	7.945.900
Cộng	-	-	7.945.900	7.945.900

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	115.086.103.517	85.199.349.382
Kinh phí công đoàn	318.248.632	231.846.146
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.411.293.000	5.293.551.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	110.356.561.885	79.673.951.636
- Các đội thi công ứng trước khối lượng	108.663.499.536	76.370.945.320
- Các khoản phải trả khác	1.693.062.349	3.303.006.316
Cộng	115.086.103.517	85.199.349.382
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không	4.624.128.280	6.862.751.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.605.313.425	14.605.313.425	-	14.605.313.425	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	14.605.313.425	14.605.313.425	-	14.605.313.425	-	-
Cộng	14.605.313.425	14.605.313.425	-	14.605.313.425	-	-

Ghi chú:

Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 29113.18.068.5157.TD ngày 20/08/2018 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (MB). Tổng hạn mức được cấp: 195 tỷ VND, trong đó hạn mức cho vay: 30 tỷ VND; hạn mức bảo lãnh: 165 tỷ VND; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty; Lãi suất cho vay thả nổi theo thị trường. Thời hạn giải ngân, phát hành bảo lãnh, thu tín dụng tối đa đến hết ngày 31/07/2019. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm giá trị sản lượng dở dang, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	29.408.620.000	6.742.181.981	4.456.184.654	40.606.986.635
Lãi trong năm	-	-	9.970.384.054	9.970.384.054
Phân phối lợi nhuận	-	1.495.557.608	(3.988.153.622)	(2.492.596.014)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(5.293.551.600)	(5.293.551.600)
Số đầu năm nay	29.408.620.000	8.237.739.589	5.144.863.486	42.791.223.075
Lãi trong năm	-	-	8.877.626.218	8.877.626.218
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.325.696.011	(3.535.189.363)	(2.209.493.352)
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Số cuối năm nay	29.408.620.000	9.563.435.600	6.076.007.341	45.048.062.941

Ghi chú:

(i) Trong năm, Công ty tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết số 152/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018. Theo đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.325.696.011 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.209.493.352 VND.
- Chia cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 15% vốn điều lệ: 4.411.293.000 VND.

Số cổ tức Công ty đã chi trả cho các cổ đông trong năm 2018 là 5.293.551.600 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp			
	VND	%	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xây dựng	19.908.620.000	67,70%	19.908.620.000	67,70%	19.908.620.000	67,70%
Công trình hàng không						
Các cổ đông khác	9.500.000.000	32,30%	9.500.000.000	32,30%	9.500.000.000	32,30%
Cộng	29.408.620.000	100,00%	29.408.620.000	100,00%	29.408.620.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> cổ phiếu	<u>Số đầu năm</u> cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.940.862	2.940.862
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

14. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu	455.210.468.638	503.821.096.525
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.827.272.729	2.124.545.455
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	453.383.195.909	501.696.551.070
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.179.143.457	1.212.711.499
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	1.179.143.457	1.212.711.499
Doanh thu thuần	454.031.325.181	502.608.385.026
Doanh thu với các bên liên quan		
Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không	2.793.870.557	16.142.241.393

(*) Một số hạng mục công trình đã được nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện trong năm 2017 nhưng do việc tập hợp và chuyển giao các tài liệu nghiệm thu và chứng từ liên quan này về Công ty sau thời điểm lập báo cáo tài chính năm trước nên Công ty ghi nhận doanh thu trong năm 2018, với tổng số tiền ghi nhận doanh thu và giá vốn lần lượt là khoảng 138 tỷ VND và 120 tỷ VND.

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	431.323.531.920	479.926.873.336
Cộng	431.323.531.920	479.926.873.336

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.562.325.676	342.653.929.848
Chi phí nhân công	73.903.599.938	104.122.110.071
Chi phí máy thi công	23.325.531.898	15.868.906.728
Chi phí sản xuất chung	15.725.437.925	17.281.926.689
Cộng	370.516.895.437	479.926.873.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.376.412.885	4.533.565.389
Chi phí vật liệu quản lý	376.570.696	185.218.002
Chi phí đồ dùng văn phòng	265.553.246	167.758.811
Chi phí khấu hao TSCĐ	541.141.974	518.738.360
Thuế, phí và lệ phí	568.792.000	578.503.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	940.294.409	360.520.370
Các khoản chi phí QLDN khác	4.710.953.299	4.034.195.687
Cộng	<u>11.779.718.509</u>	<u>10.378.500.316</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.142.345.515	12.509.370.428
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	181.020.963	185.561.442
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	181.020.963	185.561.442
Thu nhập chịu thuế	11.323.366.478	12.694.931.870
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.264.673.297	2.538.986.374
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của những năm trước	46.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.264.719.297</u>	<u>2.538.986.374</u>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp, ngoài khoản 181.020.963 VND nêu trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.877.626.218	9.970.384.054
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	2.209.493.352	2.492.596.014
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.668.132.866	7.477.788.040
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.267</u>	<u>2.543</u>

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	14.605.313.425	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(38.399.617.355)	(63.870.786.619)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	45.048.062.941	42.791.223.075
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.399.617.355	63.870.786.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.712.600.559	156.962.583.581
Các khoản ký quỹ	450.000.000	-
Tổng cộng	205.562.217.914	220.833.370.200
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	14.605.313.425	-
Phải trả người bán và phải trả khác	115.086.103.517	85.199.349.382
Tổng cộng	129.691.416.942	85.199.349.382

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND
Số cuối năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.399.617.355	38.399.617.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.712.600.559	166.712.600.559
Các khoản ký quỹ	450.000.000	450.000.000
Tổng cộng	205.562.217.914	205.562.217.914
Số cuối năm		
Các khoản vay	14.605.313.425	14.605.313.425
Phải trả người bán và phải trả khác	115.086.103.517	115.086.103.517
Tổng cộng	129.691.416.942	129.691.416.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	75.870.800.972	75.870.800.972
Số đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.870.786.619	63.870.786.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.962.583.581	156.962.583.581
Tổng cộng	220.833.370.200	220.833.370.200
Số đầu năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	85.199.349.382	85.199.349.382
Tổng cộng	85.199.349.382	85.199.349.382
Chênh lệch thanh khoản thuần	135.634.020.818	135.634.020.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty**Mối quan hệ**Công ty mẹ
Lãnh đạo chủ chốtNgoài các giao dịch và số dư với Bên liên quan đã được trình bày tại các Thuyết minh số 5, số 11 và số 14,
Công ty còn các giao dịch chủ yếu với Bên liên quan:

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
VND	VND
2.237.296.015	1.983.871.333

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc



[Signature]

Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

[Signature]

Phạm Thu Hương
Kế toán trưởng

[Signature]

Phạm Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

